

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỬA CHÙA
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 9 - 2017

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Hữu Hà và ông Sùng A Đông

- Thư ký phiên tòa: ông Giàng A Tăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tủa Chùa tham gia phiên tòa: ông Lò Văn Nhung- kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1 . *Nguyên đơn:* chị Lò Thị S – Sinh năm: 1991; Nơi ĐKKHKT: Đội 4, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; trú tại: Đội 8, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi làm việc: Trường mầm non xã L, huyện T, tỉnh Điện Biên/có mặt

2 . *Bị đơn:* anh Mào Văn T – Sinh năm: 1991; Địa chỉ: Đội 4, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. / có mặt

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- ông Mào Văn S- Sinh năm 1969; Địa chỉ: Đội 4, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. / có mặt

- bà Tòng Thị Nh- Sinh năm 1972; Địa chỉ: Đội 4, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. / có mặt

4. Những người làm chứng:

- ông Lò Văn B- Sinh năm 1973; Địa chỉ: Đội 8, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. / có mặt

- chị Lò Thị Th- Sinh năm 1993; Địa chỉ: Đội 8, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. / có mặt

5. *Người phiên dịch:* ông Quàng Văn T- SN 1987; trú tại đội 2 xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên./ có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản ghi ý kiến của nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày: chị và anh Mào Văn T chung sống với nhau từ năm 2015 do sự tự nguyện của cả hai bên, hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên ngày 03/02/2015. Trong quá trình chung sống do anh T không chăm lo xây dựng cuộc sống chung của gia đình, nhiều lần mang tài sản của gia đình đi đánh bạc và còn có hành vi đánh đập chị, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải để đảm bảo hạnh phúc gia đình nhưng anh Mào Văn T vẫn không thay đổi dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hai người đã sống ly thân từ ngày 02/7/ 2017 đến nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Mào Văn T

Về con chung: Hai người có 01 con chung là cháu Mào Tài Đ- Sinh ngày 26/02/2015, chị đề nghị Tòa án giao cho chị chăm sóc nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trước đây hai vợ chồng có nợ tiền để liên hệ xin việc và mua sắm vật dụng cho chị khi đi làm tại trường Mầm non xã L từ ngày 15/5/2015, từ khi đi làm đến tháng 11/2016 hàng tháng chị đều đưa tiền lương cho bố mẹ chồng 6.347.000đ, từ tháng 12/2016 mỗi tháng đưa từ 3.000.000đ đến 4.000.000đ, hiện hai vợ chồng còn nợ bố mẹ chồng là ông Mào Văn S và bà Tòng Thị Nh số tiền là 27.000.000đ, chị yêu cầu anh T có trách nhiệm trả toàn bộ.

Trong bản khai và các biên bản ghi ý kiến của bị đơn, anh Mào Văn T nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, cuộc sống chung của hai vợ chồng tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn; nếu ly hôn bị đơn yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung đề nghị giải quyết buộc nguyên đơn phải trả khoản nợ cho ông S và bà Nh do nguyên đơn vay nợ riêng.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mào Văn S và bà Tòng Thị Nh trình bày: trong quá trình chung sống cùng gia đình, ngày 25/6/2017 chị S có vay của ông bà số tiền 27.000.000đ, đến ngày 04/8/2017 khi vợ chồng S- T phát sinh mâu thuẫn ông bà đã yêu cầu Lò Thị S viết giấy nhận nợ số tiền trên, khi đó có sự chứng kiến của ông Lò Văn B là bố đẻ của Lò Thị S và đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Lò Thị S phải trả toàn bộ số tiền vay nợ.

Những người làm chứng ông Lò Văn B là bố đẻ của nguyên đơn, chị Lò Thị Th là em gái của nguyên đơn trình bày: ngày 04/8/2017 phía bên gia đình của Lò Thị S lên xã M huyện T để giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng S- T nhưng không giải quyết hòa giải được. Ông S và bà Nh đã buộc chị S phải viết giấy giao quyền nuôi con cho ông S, bà Nh và viết giấy nhận nợ 27.000.000đ, thực chất số tiền nợ là tiền ông S, bà Nh cho vay khi liên hệ xin việc, tiền mua vật dụng khi Lò Thị S đi làm và tiền hao mòn chiếc xe máy của gia đình ông S, Sau khi trừ đi số tiền chị S đã mang

về trả dần khi lĩnh lương và Mào Văn T trước đây đã bán 01 chiếc xe máy của Lò Thị S, vì vậy ông S và bà Nh tính số tiền nợ còn lại là 27.000.000đ và yêu cầu Lò Thị S viết cam kết phải trả.

Tại phiên tòa, khi tranh luận các đương sự đã tự thỏa thuận và thống nhất được về việc giải quyết vụ án và đề nghị HĐXX công nhận:

Về hôn nhân: anh Mào Văn T và chị Lò Thị S đồng ý ly hôn,

Về nuôi con chung: các bên nhất trí giao cháu Mào Tài Đ cho anh Mào Văn T nuôi dưỡng, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung;

Về khoản nợ: ông Mào Văn S và Tòng Thị Nh xin rút yêu cầu, không đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị S phải trả khoản nợ 27.000.000đ cho ông bà nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T không có kiến nghị gì về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của các bên: công nhận thuận tình ly hôn, đề nghị giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung, về nợ chung đề nghị đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông S và bà Nh, về án phí nguyên đơn phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Mào Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật. Về nguyên nhân xin ly hôn do hai bên bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống chung thường xảy ra mâu thuẫn, bị đơn không quan tâm chăm lo xây dựng gia đình và có hành vi đánh đập nguyên đơn dẫn đến tình cảm của nguyên đơn đối với bị đơn đến nay không còn, nguyên đơn đã sống ly thân từ ngày 02/7/2017 đến nay.

Tại phiên tòa các bên thuận tình ly hôn, Hội đồng xét xử thấy việc thuận tình ly hôn của các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[2] Về chăm sóc, nuôi dưỡng con chung:

Hai người có 01 con chung là cháu Mào Tài Đ (sinh ngày 26/02/2015), tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được việc nuôi con chung, thấy việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, đảm bảo lợi ích của con chung và phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên HĐXX cần chấp nhận: Giao cháu Mào Tài Đ (SN 26/02/2015) cho bị đơn anh Mào Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung:

3.1. Về chia tài sản chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

3.2. Về giải quyết nợ chung:

Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mào Văn S và bà Tòng Thị Nh đều xin rút toàn bộ yêu cầu đối với nguyên đơn về việc trả khoản nợ 27.000.000đ. Xét việc rút yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 điều 244 của bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông S và bà Nh.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 55; khoản 2, khoản 3 Điều 81 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

1. Về hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị S và anh Mào Văn T

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Mào Tài Đ (Sinh ngày 26/02/2015) cho anh Mào Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Lò Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về giải quyết nợ chung:

Đình chỉ giải quyết yêu cầu của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Mào Văn S và bà Tòng Thị Nh về yêu cầu nguyên đơn phải trả khoản nợ 27.000.000đ.

4. Về án phí:

Nguyên đơn chị Lò Thị S phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000đ tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện T, nguyên đơn đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2017).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, những người có QLNVLQ có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã M, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Anh Tuấn